Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2102.30.00

Mã HS	2102.30.00
Mô tả hàng hóa	Men (sống hoặc ỳ); các vi sinh đơn bào khác, chết (nhưng không bao gồm các loại vắc xin thuộc nhóm 30.02); bột nở đã pha chế / - Bột nở đã pha chế
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	04/11/2026 16:34:48
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/21023000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	10.5	10,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K2653
Thuế NK ưu đãi (MFN)	7	7%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N2653
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q2653
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0,6	0,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0,6	0,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E2638
ATIGA	2022	2022	0	AT!E2599
ATIGA	2023	2023	0	AT!F2599
ATIGA	2024	2024	0	AT!G2599
ATIGA	2025	2025	0	AT!H2599
ATIGA	2026	2026	0	AT!I2599
ATIGA	2027	2027	0	AT!J2599
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E2637
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F2637

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G2637
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H2637
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I2637
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J2637
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E2639
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F2639
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G2639
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H2639
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I2639
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J2639
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F2641
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H2605
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F2601
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G2601
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H2601
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I2601
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J2601
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K2601
VKFTA	2022	2022	0	VK!E2601
VKFTA	2023	2023	0	VK!F2601
VKFTA	2024	2024	0	VK!G2601
VKFTA	2025	2025	0	VK!H2601
VKFTA	2026	2026	0	VK!I2601
VKFTA	2027	2027	0	VK!J2601
VCFTA	2022	2022	2	VC!D2648
VCFTA	2023	2023	1	VC!E2648

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F2648
VCFTA	2025	2025	0	VC!G2648
VCFTA	2026	2026	0	VC!H2648
VCFTA	2027	2027	0	VC!I2648
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D2645
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E2645
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F2645
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G2645
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H2645
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I2645
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D2653
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E2653
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F2653
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G2653
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H2653
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I2653
EVFTA	2022	2022	3,1	EV-NK!D2624
EVFTA	2023	2023	2,5	EV-NK!E2624
EVFTA	2024	2024	1,8	EV-NK!F2624
EVFTA	2025	2025	1,2	EV-NK!G2624
EVFTA	2026	2026	0,6	EV-NK!H2624
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I2624
UKVFTA	2022	2022	3,1	UKV!D2626
UKVFTA	2023	2023	2,5	UKV!E2626
UKVFTA	2024	2024	1,8	UKV!F2626
UKVFTA	2025	2025	1,2	UKV!G2626

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0,6	UKV!H2626
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I2626
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D2620
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E2620
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F2620
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G2620
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H2620
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I2620
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J2620
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D2643
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E2643
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F2643
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G2643
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H2643
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I2643
RCEP B	2022	2022	0	B!D2643
RCEP B	2023	2023	0	B!E2643
RCEP B	2024	2024	0	B!F2643
RCEP B	2025	2025	0	B!G2643
RCEP B	2026	2026	0	B!H2643
RCEP B	2027	2027	0	B!I2643
RCEP C	2022	2022	0	C!D2643
RCEP C	2023	2023	0	C!E2643
RCEP C	2024	2024	0	C!F2643
RCEP C	2025	2025	0	C!G2643
RCEP C	2026	2026	0	C!H2643

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I2643
RCEP D	2022	2022	0	D!D2643
RCEP D	2023	2023	0	D!E2643
RCEP D	2024	2024	0	D!F2643
RCEP D	2025	2025	0	D!G2643
RCEP D	2026	2026	0	D!H2643
RCEP D	2027	2027	0	D!I2643
RCEP E	2022	2022	0	E!D2646
RCEP E	2023	2023	0	E!E2646
RCEP E	2024	2024	0	E!F2646
RCEP E	2025	2025	0	E!G2646
RCEP E	2026	2026	0	E!H2646
RCEP E	2027	2027	0	E!I2646
RCEP F	2022	2022	0	F!D2643
RCEP F	2023	2023	0	F!E2643
RCEP F	2024	2024	0	F!F2643
RCEP F	2025	2025	0	F!G2643
RCEP F	2026	2026	0	F!H2643
RCEP F	2027	2027	0	F!I2643
VIFTA	2024	2024	4.7	VI!F2467
VIFTA	2025	2025	2.3	VI!G2467
VIFTA	2026	2026	0	VI!H2467
VIFTA	2027	2027	0	VI!I2467

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2102.30.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 7% của mã 2102.30.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N2653), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.